

Số: 2072 /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 08 tháng 11 năm 2022

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân bổ nguồn vốn sự nghiệp thực hiện  
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2022

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ Tài chính về quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1773/QĐ-BTC ngày 06/9/2022 của Bộ Tài chính về việc giao dự toán bổ sung có mục tiêu kinh phí sự nghiệp từ ngân sách Trung ương cho ngân sách địa phương năm 2022 để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định về mức hỗ trợ và nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Thực hiện Kết luận số 528-KL/TU ngày 02/11/2022 của Thường trực Tỉnh ủy phiên họp thứ 61/2022;

Căn cứ Quyết định số 1899/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về phê duyệt kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 2273/QĐ-UBND ngày 14/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt danh sách các huyện, xã tập trung chỉ đạo điểm xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

*Căn cứ Quyết định số 3197/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh sách các xã phấn đấu về đích nông thôn mới năm 2021;*

*Căn cứ Quyết định số 2101/QĐ-UBND ngày 18/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh sách các xã phấn đấu về đích nông thôn mới năm 2022;*

*Căn cứ Quyết định số 1488/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh sách các huyện, xã phấn đấu về đích nông thôn mới năm 2023;*

*Căn cứ Quyết định số 1335/QĐ-UBND ngày 25/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán điều chỉnh thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2022, tỉnh Bình Phước;*

*Thực hiện Công văn số 467-CV/BCSĐ ngày 04/11/2022 của Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Kết luận số 528-KL/TU ngày 02/11/2022 của Thường trực Tỉnh ủy;*

*Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 2829/STC-HCSN ngày 30/9/2022,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phân bổ nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2022 cho các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố với số tiền là 105.875.000.000 đồng (*Một trăm lẻ năm tỷ, tám trăm bảy mươi lăm triệu đồng*), cụ thể như sau:

<b>1.1 Các sở, ban, ngành:</b>	<b>20.400 triệu đồng</b>
- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:	2.800 triệu đồng
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:	5.000 triệu đồng
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2.300 triệu đồng
- Công an tỉnh:	1.250 triệu đồng
- Sở Nội vụ:	600 triệu đồng
- Sở Tư pháp:	250 triệu đồng
- Liên minh Hợp tác xã:	500 triệu đồng
- Cục Thống kê:	70 triệu đồng
- Sở Khoa học và Công nghệ:	1.000 triệu đồng
- Tỉnh đoàn:	500 triệu đồng
- Hội Nông dân:	210 triệu đồng
- Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh:	260 triệu đồng
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh:	660 triệu đồng
- Sở Thông tin và Truyền thông:	1.000 triệu đồng
- Văn phòng Điều phối nông thôn mới:	4.000 triệu đồng
<b>1.2 Các địa phương:</b>	<b>85.475 triệu đồng</b>

- Thành phố Đồng Xoài:	810 triệu đồng
- Thị xã Bình Long:	2.836 triệu đồng
- Thị xã Phước Long:	2.836 triệu đồng
- Thị xã Chơn Thành:	3.646 triệu đồng
- Huyện Đồng Phú:	7.292 triệu đồng
- Huyện Hớn Quản:	12.558 triệu đồng
- Huyện Lộc Ninh:	14.583 triệu đồng
- Huyện Bù Đốp:	5.670 triệu đồng
- Huyện Bù Gia Mập:	7.697 triệu đồng
- Huyện Phú Riềng:	11.748 triệu đồng
- Huyện Bù Đăng:	15.799 triệu đồng

(Chi tiết theo biểu đính kèm)

## 2. Nguồn kinh phí thực hiện:

- Nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tại Quyết định số 1773/QĐ-BTC ngày 06/9/2022 của Bộ Tài chính: 41.750 triệu đồng.

- Nguồn vốn đối ứng ngân sách địa phương 64.125 triệu đồng (từ nguồn dự phòng ngân sách tỉnh tại Quyết định số 1335/QĐ-UBND ngày 25/7/2022 của UBND tỉnh).

### Điều 2. Triển khai thực hiện:

- Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới chịu trách nhiệm toàn diện về nội dung, số liệu báo cáo, đề xuất.

- Các sở ngành khẩn trương triển khai các chương trình, dự án theo nhiệm vụ được giao, theo đúng hướng dẫn của bộ, ngành; quản lý và sử dụng kinh phí đúng mục đích, có hiệu quả, tránh lãng phí nguồn lực. Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp có khó khăn, vướng mắc chủ động tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xin ý kiến của bộ, ngành trung ương.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố khẩn trương triển khai thực hiện các chương trình, dự án; quản lý và sử dụng kinh phí đúng mục đích, có hiệu quả, tránh lãng phí nguồn lực.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- TTTU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- TT. HĐND các huyện, thị xã, thành phố;
- LDVP, các Phòng, Trung tâm;
- Lưu: VT. 139/Bình



Trần Tuệ Hiền

**BẢNG TỔNG HỢP PHÂN BỐ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỐI ỨNG NGÂN SÁCH TỈNH THỰC HIỆN  
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI 2022 (VỐN SỰ NGHIỆP)**  
(Kèm theo Quyết định số 2072/QĐ-UBND ngày 08/11/2022 của UBND tỉnh)

DVT: Triệu đồng

TT	Đơn vị (Sở, ngành, huyện, thị, xã)	PHÂN BỐ VỐN				Nội dung thực hiện (Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022)																Ghi chú			
		Hệ số	Định mức	Số vốn phân bổ	Trong đó		Nâng cao hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn	Xây dựng và phát triển các vùng nguyên liệu tập trung, cơ giới hóa đồng bộ, nâng cao năng lực chế biến và bảo quản nông sản	Chương trình mỗi xã một sản phẩm	Phát triển du lịch nông thôn	Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp gắn với liên kết theo chuỗi giá trị	Đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với nhu cầu thị trường	Thúc đẩy và phát triển các mô hình khởi nghiệp, sáng tạo ở nông thôn	Thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới	Nâng cao chất lượng môi trường, xây dựng cảnh quan nông thôn sạch, xanh, đẹp, an toàn	Cải thiện sức khỏe, dinh dưỡng của phụ nữ và trẻ em	Nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy của cán bộ các cấp và người dân về phát triển kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới	Truyền thông về NTM, tập huấn	Thực hiện các chương trình chuyên đề (*)	Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025 (Quyết định số 1804/QĐ-TTg)	Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới (Quyết định số 167/QĐ-TTg)		Các nội dung xây dựng NTM phạm vi xã	Kinh phí hoạt động của cơ quan chỉ đạo Chương trình các cấp	
					Trung Ương	Địa Phương																			
	<b>TOÀN TỈNH</b>			<b>105.875</b>	<b>41.750</b>	<b>64.125</b>																			
<b>I</b>	<b>CẤP HUYỆN VÀ CÁC XÃ</b>	<b>211</b>		<b>85.475</b>	<b>33.706</b>	<b>51.769</b>																			
<b>1</b>	<b>TP Đồng Xoài</b>	<b>2</b>		<b>810</b>	<b>319</b>	<b>491</b>																			
<b>a</b>	Cấp huyện thực hiện hoặc điều tiết	2	405,09	810	319	491	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
<b>2</b>	<b>TX Bình Long</b>	<b>7</b>		<b>2.836</b>	<b>1.118</b>	<b>1.717</b>																			
<b>a</b>	Cấp huyện thực hiện hoặc điều tiết	2	405,09	810	319	491	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
<b>b</b>	Xã Thanh Lương TX Bình Long	5	405,09	2.025	799	1.227	x	x	x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	Xã phân đầu NTM NC2022
<b>3</b>	<b>TX Phước Long</b>	<b>7</b>		<b>2.836</b>	<b>1.118</b>	<b>1.717</b>																			
<b>a</b>	Cấp huyện thực hiện hoặc điều tiết	2	405,09	810	319	491	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
<b>b</b>	Xã Long Giang TX Phước Long	5	405,09	2.025	799	1.227	x	x	x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	Xã phân đầu NTM NC2022
<b>4</b>	<b>TX Chơn Thành</b>	<b>9</b>		<b>3.646</b>	<b>1.438</b>	<b>2.208</b>																			
<b>a</b>	Cấp huyện thực hiện hoặc điều tiết	4	405,09	1.620	639	981	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
<b>b</b>	Xã Minh Thắng TX Chơn Thành	5	405,09	2.025	799	1.227	x	x	x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	Xã phân đầu NTM NC2022



TT	Đơn vị (Sở, ngành, huyện, thị, xã)	PHÂN BỐ VỐN					Nội dung thực hiện (Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022)																	Ghi chú	
		Hệ số	Định mức	Số vốn phân bổ	Trong đó		Nâng cao hiệu quả cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn	Xây dựng và phát triển các vùng nguyên liệu tập trung, cơ giới hóa đồng bộ, nâng cao năng lực chế biến và bảo quản nông sản	Chương trình mỗi xã một sản phẩm	Phát triển du lịch nông thôn	Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp gắn với liên kết chuỗi giá trị	Đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với nhu cầu thị trường	Thúc đẩy và phát triển các mô hình khởi nghiệp sáng tạo ở nông thôn	Thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới	Nâng cao chất lượng môi trường, xây dựng cảnh quan nông thôn sạch, đẹp, an toàn	Cải thiện sức khỏe, dinh dưỡng của phụ nữ và trẻ em	Nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy của cán bộ các cấp và người dân về phát triển kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới	Truyền thông về NTM, tập huấn	Thực hiện các chương trình chuyên đề (*)	Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025 (Quyết định số 1804/QĐ-TTg)	Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới (Quyết định số 167/QĐ-TTg)	Các nội dung xây dựng NTM phạm vi xã	Kinh phí hoạt động của cơ quan chỉ đạo Chương trình các cấp		
					Trung Ương	Địa Phương																			
d	Xã Lộc Thành Huyện Lộc Ninh	5	405,09	2.025	799	1.227	x	x	x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			Xã phân đầu NTM 2022	
e	Xã Lộc Hòa Huyện Lộc Ninh	5	405,09	2.025	799	1.227	x	x	x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			Xã phân đầu NTM 2022	
f	Xã Lộc Điền Huyện Lộc Ninh	5	405,09	2.025	799	1.227	x	x	x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			Xã phân đầu NTM NC2022	
8	<b>Huyện Bù Đốp</b>	14		5.670	2.236	3.434																			
a	Cấp huyện thực hiện hoặc điều tiết	6	405,09	2.431	958	1.472	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			x	
b	Xã Hưng Phước huyện Bù Đốp	3	405,09	1.215	479	736	x	x	x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			Xã về đích NTM 2021	
c	Xã Phước Thiện huyện Bù Đốp	5	405,09	2.025	799	1.227	x	x	x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			Xã phân đầu NTM 2022	
9	<b>Huyện Bù Gia Mập</b>	19		7.697	3.035	4.662																			
a	Cấp huyện thực hiện hoặc điều tiết	8	405,09	3.241	1.278	1.963	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			x	
b	Xã Phước Minh H. Bù Gia Mập	3	405,09	1.215	479	736	x	x	x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			Xã về đích NTM 2021	
c	Xã Đa Kìa huyện Bù Gia Mập	3	405,09	1.215	479	736	x	x	x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			Xã về đích NTM NC 2021	
d	Xã Phú Nghĩa H. Bù Gia Mập	5	405,09	2.025	799	1.227	x	x	x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			Xã phân đầu NTM NC2022	
10	<b>Huyện Phú Riềng</b>	29		11.748	4.633	7.115																			
a	Cấp huyện thực hiện hoặc điều tiết	10	405,09	4.051	1.597	2.454	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			x	
b	Xã Long Bình huyện Phú Riềng	3	405,09	1.215	479	736	x	x	x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			Xã về đích NTM 2021	



